

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2025/DS-ST

Ngày: 05-9-2025

V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đắc Minh;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 05/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1) mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 208/2025/TLST-DS ngày 12/5/2025 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2025/QĐXXST-DS ngày 01/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa 56/2025/QĐST-DS ngày 21/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (Ngân hàng TMCP Đ); địa chỉ: Số B đường N, phường C, thành phố Hà Nội (địa chỉ cũ: Số B đường N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội); ***Người đại diện theo pháp luật:*** Ông Nguyễn Đình L – Chủ tịch Hội đồng quản trị; ***Người đại diện hợp pháp:*** Bà Nguyễn Thị Thu H, bà Trần Thị Quỳnh N và bà Lê Thị L1; địa chỉ: Ngân hàng TMCP Đ, đường L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (“Giấy ủy quyền” số: 2535/UQ-PVB ngày 03/4/2025).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1963; địa chỉ: Số nhà A đường V, ấp C, xã D, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Số nhà A đường V, khu phố G, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương).

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn bà Trần Thị Quỳnh N có mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2025 của Ngân hàng TMCP Đ; quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn bà Trần Thị Quỳnh N trình bày:***

Ngày 27/12/2016, Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh B với bà C đã ký “Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương” số 0363/2016/HĐTD/PVB-CN.BD với nội dung chính: Hạn mức cho vay: 100.000.000 đồng; Thời hạn vay: 36 tháng, ngày giải ngân là 27/12/2016; Mục đích vay vốn: Vay tiêu dùng; Lãi suất cho vay (VND): Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 17,59%/năm; từ ngày 27/12/2016 đến ngày 26/3/2017, lãi suất bằng 13,7%/năm; từ ngày 27/3/2017, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: $LS_{13} + 6\%/năm$. Trong đó: LS_{13} là lãi suất tiền gửi tiết kiệm Đại Chúng lĩnh lãi cuối kỳ của khách hàng cá nhân, có loại tiền tương ứng với loại tiền vay, kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất huy động của ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất sẽ do Ngân hàng TMCP Đ quyết định điều chỉnh hoặc không điều chỉnh trong từng thời kỳ. Lãi suất cho vay tại thời điểm hiện tại là 21,75%/năm.

Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng TMCP Đ đã thực hiện giải ngân cho bà C tổng số tiền là 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, số tiền bà C đã thanh toán không đầy đủ số tiền phải thanh toán và không đúng kỳ thanh toán theo quy định tại hợp đồng. Tính đến ngày 17/9/2018 thì bà C đã thanh toán được cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền là 73.806.031 đồng, trong đó số tiền vay gốc là 56.740.996 đồng và tiền lãi là 17.065.035 đồng. Phía Ngân hàng TMCP Đ đã rất nhiều lần liên hệ yêu cầu bà C thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà C vẫn không thực hiện. Tiếp đến ngày 13/01/2025, bà C có thanh toán số tiền 1.000.000 đồng thì tiếp tục ngưng. Như vậy, từ ngày 17/9/2018 Ngân hàng TMCP Đ đã chuyển số nợ của bà C sang nợ quá hạn.

Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2025, Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà C phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ một lần tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 19/3/2025 theo quy định tại “Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương” số 0363/2016/HĐTD/PVB-CN.BD ký ngày 27/12/2016 giữa bà C với Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh B là 111.523.199 đồng, trong đó số nợ gốc là 43.259.004 đồng và nợ lãi là 68.264.195 đồng.

2. Buộc bà C phải tiếp tục thanh toán tiền lãi suất cho Ngân hàng TMCP Đ tính từ ngày 20/3/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản vay theo thỏa thuận của “Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương” số 0363/2016/HĐTD/PVB-CN.BD ký ngày 27/12/2016 giữa bà C với Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh B.

Tại phiên tòa, bà N đại diện hợp pháp cho Ngân hàng TMCP Đ xác định yêu cầu bà C thanh toán:

1. Buộc bà C phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ một lần tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 02/9/2025 theo quy định tại “Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương” số 0363/2016/HĐTD/PVB-CN.BD ký ngày 27/12/2016 giữa bà C với Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh B là 116.384.357 đồng, trong đó số nợ gốc là 43.259.004 đồng và nợ lãi là 73.125.353 đồng.

2. Buộc bà C phải tiếp tục thanh toán tiền lãi suất cho Ngân hàng TMCP Đ tính từ ngày 03/9/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản vay theo thỏa thuận của “Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương” số 0363/2016/HĐTD/PVB-CN.BD ký ngày 27/12/2016 giữa bà C với Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh B.

- *Chứng cứ nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ cung cấp*: Đơn khởi kiện ngày 09/4/2025 của Ngân hàng TMCP Đ (bản gốc); “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần” (bản sao); “Điều lệ Ngân hàng TMCP Đ” (bản sao); “Quyết định về bổ nhiệm lại cán bộ” số: 17468/QĐ-PVB ngày 04/8/2023 (bản sao); “Giấy ủy quyền” số: 107772/UQ-PVB ngày 10/6/2020 (bản sao); “Giấy ủy quyền” số: 2535/UQ-PVB ngày 03/4/2025 (bản gốc); Căn cước công dân của các ông/bà Nguyễn Hoàng Trung N1, Nguyễn Thị Thu H, Trần Thị Quỳnh N, bà Lê Thị L1 (bản sao); “Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương” số 0363/2016/HĐTD/PVB-CN.BD ký ngày 27/12/2016 giữa bà C với Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh B; Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà C (bản sao); Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (bản gốc); Bản tự khai các ngày 24/4/2025, ngày 12/6/2025, ngày 02/9/2025 (bản gốc); Báo cáo thu hồi nợ lập ngày 02/9/2025 (bản gốc); Bảng tính lãi khách hàng lập ngày 02/9/2025 (bản gốc).

*** *Quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C:***

Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và chứng cứ nguyên đơn cung cấp bằng việc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật cho bị đơn C, nhưng phía bị đơn bà C không cung cấp chứng cứ, không trình bày ý kiến và không tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

Chứng cứ bị đơn bà C cung C1: Bà C không cung cấp chứng cứ, không hợp tác giải quyết vụ án.

*** *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:***

- *Về tố tụng*: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải và mở phiên tòa đúng quy định.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn bà N có mặt; bị đơn bà C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Đề nghị Tòa án căn

cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn bà C theo quy định.

Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- *Về nội dung*: Căn cứ vào các chứng cứ của đương sự cung cấp, Tòa án thu thập và quy định định của pháp luật tại các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn bà N có mặt; bị đơn bà C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn bà C theo quy định.

[2] Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2025 và tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết đối với bà C như sau:

- Buộc bà C phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ một lần tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 02/9/2025 theo quy định tại “Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương” số 0363/2016/HĐTD/PVB-CN.BD ký ngày 27/12/2016 giữa bà C với Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh B là 116.384.357 đồng, trong đó số nợ gốc là 43.259.004 đồng và nợ lãi là 73.125.353 đồng.

- Buộc bà C phải tiếp tục thanh toán tiền lãi suất cho Ngân hàng TMCP Đ tính từ ngày 03/9/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản vay theo thỏa thuận của “Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương” số 0363/2016/HĐTD/PVB-CN.BD ký ngày 27/12/2016 giữa bà C với Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh B.

Xét thấy, bị đơn bà C có nơi cư trú tại ấp C, xã D, Thành phố Hồ Chí Minh và quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng tín dụng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ:

[3.1] *Đối với yêu cầu buộc thanh toán số tiền vay gốc và tiền lãi đến ngày 02/9/2025:*

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ trình bày vào ngày 27/12/2016 giữa bà C với Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh B “Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương” số 0363/2016/HĐTD/PVB-CN.BD, theo đó số tiền vay theo hạn mức là 100.000.000 đồng; thời hạn vay là 36 tháng;

ngày giải ngân là 27/12/2016; mục đích vay vốn là vay tiêu dùng; lãi suất cho vay (VND), lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 17,59%/năm; từ ngày 27/12/2016 đến ngày 26/3/2017 lãi suất bằng 13,7%/năm; từ ngày 27/3/2017, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: $LS_{13} + 6\%/năm$ (trong đó: LS_{13} là lãi suất tiền gửi tiết kiệm Đại Chúng lĩnh lãi cuối kỳ của khách hàng cá nhân, có loại tiền tương ứng với loại tiền vay, kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất huy động của ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất sẽ do Ngân hàng TMCP Đ quyết định điều chỉnh hoặc không điều chỉnh trong từng thời kỳ).

Cùng ngày 27/12/2016, Ngân hàng TMCP Đ đã thực hiện giải ngân cho bà C tổng số tiền là 100.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 17/9/2018 thì bà C đã thanh toán được cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền là 73.806.031 đồng, trong đó số tiền vay gốc là 56.740.996 đồng và tiền lãi là 17.065.035 đồng. Phía Ngân hàng TMCP Đ đã rất nhiều lần liên hệ yêu cầu bà C thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà C vẫn không thực hiện trả đúng số tiền và đúng thời gian quy định trong hợp đồng. Từ ngày 17/9/2018, Ngân hàng TMCP Đ đã chuyển số nợ của bà C sang nợ quá hạn. Tiếp đến ngày 13/01/2025, bà C có thanh toán số tiền 1.000.000 đồng thì tiếp tục ngưng.

Quá trình tố tụng, Tòa án ban hành và tổng đạt hợp lệ Thông báo số 192/TB-TA ngày 15/5/2025 về việc yêu cầu bà C có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ và cung cấp chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình nhưng phía bà C vẫn không cung cấp ý kiến và chứng cứ chứng minh theo quy định. Do đó, bà C được xem như từ bỏ quyền cung cấp chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại các Điều 70, 72, 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ Ngân hàng TMCP Đ cung cấp và theo quy định tại các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Quy định các Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 100, 103, 107 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất, đến thời điểm xét xử, không có căn cứ nào xác định bà C đã thanh toán toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 02/9/2025 là 116.384.357 đồng đối với hợp đồng tín dụng nêu trên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ là có căn cứ nên được chấp nhận. Cụ thể buộc bà C phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 02/9/2025 theo quy định tại hợp đồng số 0363/2016/HĐTD/PVB-CN.BD ký ngày 27/12/2016 là 116.384.357 đồng, trong đó số nợ gốc là 43.259.004 đồng và nợ lãi là 73.125.353 đồng (tiền lãi trong hạn là 4.634.128 đồng; tiền lãi trên gốc quá hạn là 61.792.160 đồng và tiền lãi chậm trả là 6.699.065 đồng).

[3.2] *Đối với yêu cầu phải tiếp tục thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng TMCP Đ tính từ ngày 03/9/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ:*

Theo thỏa thuận của “Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương” số 0363/2016/HĐTD/PVB-CN.BD ký ngày 27/12/2016 giữa bà C với Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh B thì bà C phải tiếp tục thanh toán tiền lãi suất cho Ngân

hàng TMCP Đ tính từ ngày 03/9/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản vay. Do đó, căn cứ vào quy định tại các Điều 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bà C phải tiếp tục thanh toán tiền lãi suất cho Ngân hàng TMCP Đ tính từ ngày 03/9/2025 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần các thủ tục tố tụng, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như ý kiến đề nghị giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[7.1] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ được hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[7.2] Bị đơn bà C thuộc trường hợp người cao tuổi (Điều 2 Luật Người cao tuổi) và có thể được xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhưng bị đơn bà C không có đơn đề nghị nên theo hướng dẫn tại Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao thì bà C vẫn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ các Điều 100, 103, 107 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (Ngân hàng TMCP Đ) đối với bà Nguyễn Thị Kim C.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Kim C phải thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi vay phát sinh cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (Ngân hàng TMCP Đ) tính đến hết ngày 02/9/2025 với tổng số tiền là 116.384.357 đồng (*một trăm mười sáu triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm năm mươi bảy đồng*), trong đó số nợ gốc là 43.259.004 đồng và nợ lãi là 73.125.353 đồng (tiền lãi trong hạn là 4.634.128 đồng; tiền lãi trên gốc quá hạn là 61.792.160 đồng và tiền lãi chậm

trả là 6.699.065 đồng) theo “Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương” số 0363/2016/HĐTD/PVB-CN.BD ký ngày 27/12/2016 giữa bà C với Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh B.

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị Kim C phải tiếp tục thanh toán tiền lãi suất cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (Ngân hàng TMCP Đ) tính từ ngày 03/9/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của “Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương” số 0363/2016/HĐTD/PVB-CN.BD ký ngày 27/12/2016 giữa bà C với Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh B.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.819.217 đồng (*năm triệu tám trăm mười chín nghìn hai trăm mười bảy đồng*).

2.2. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (Ngân hàng TMCP Đ) toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.788.080 đồng (*hai triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn không trăm tám mươi đồng*) theo hai biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007470 ngày 05/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Quyền kháng cáo:

3.1. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 05/9/2025).

3.2. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM (CS2);
- VKSND KV18-TP.HCM;
- Phòng THA DS KV18-TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng